

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức

Ngày 31/12/2025	4,370 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.8%	-	0.7%

DT thuần Q4/25
67.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.5 88.8%
YoY: ▲ 54.9 454%

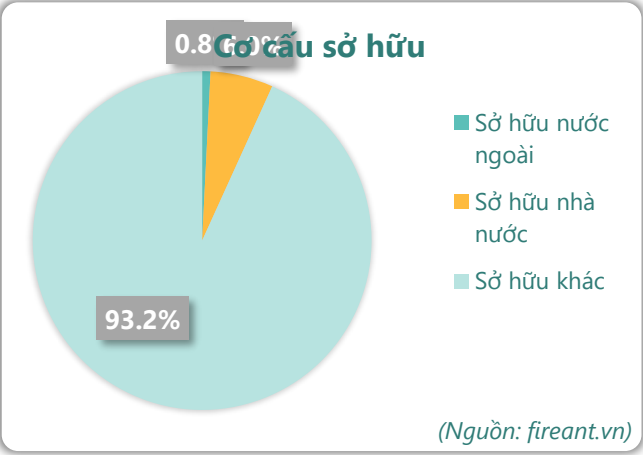
LN thuần Q4/25
8.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.7 386%
YoY: ▲ 294 103%

LN sau thuế Q4/25
7.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼76.9 -91.4%
YoY: ▲ 291 103%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
86.5%
YoY: +/-▲ 706%

ROE 2025
87.1%
YoY: +/-▲ 224%

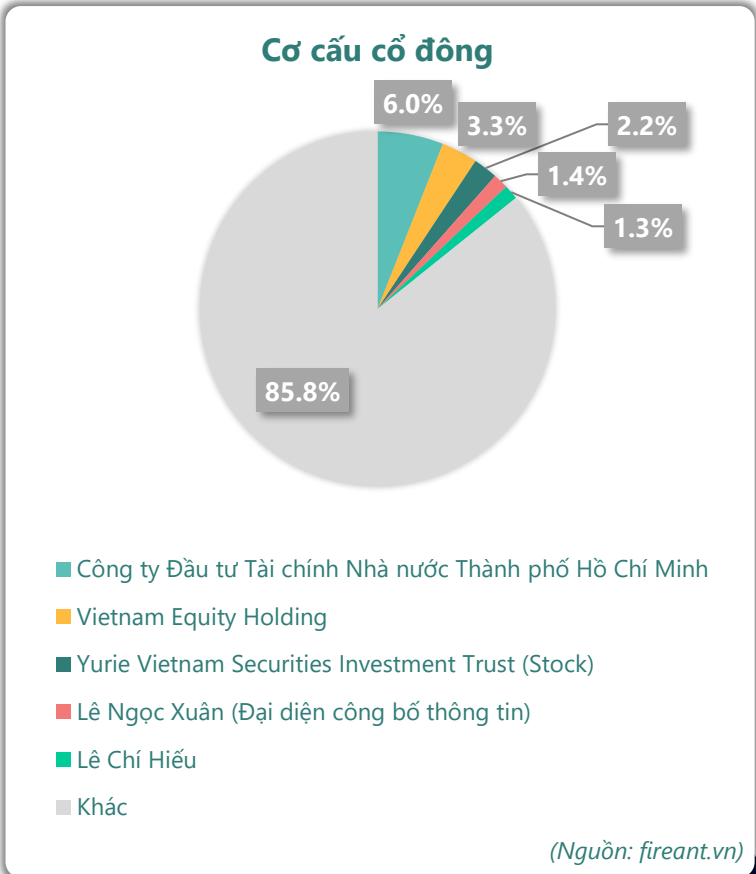
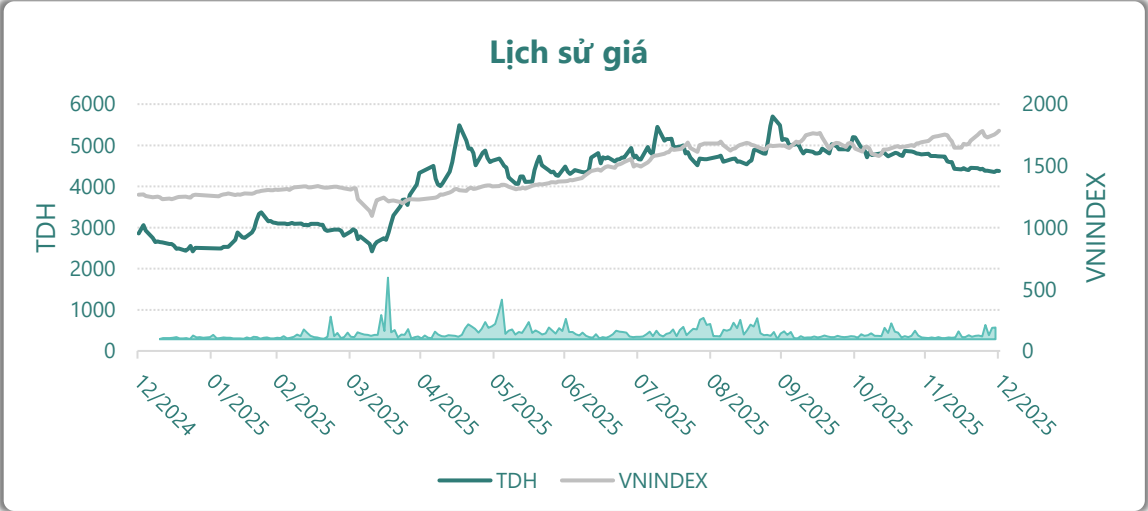
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,420 - 5,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	492
Số lượng CPLH (CP)	112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)	131,910
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.64
EPS	982
P/E	4.5



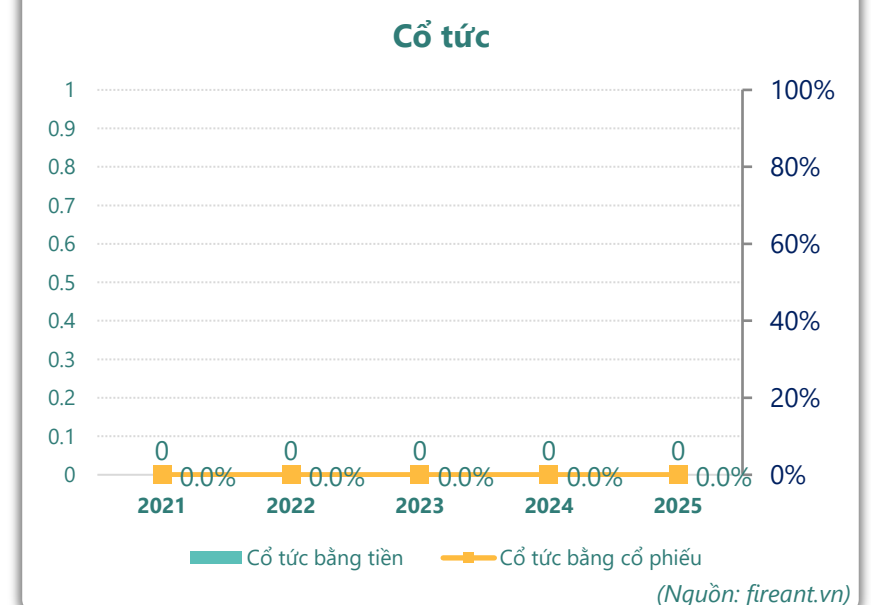
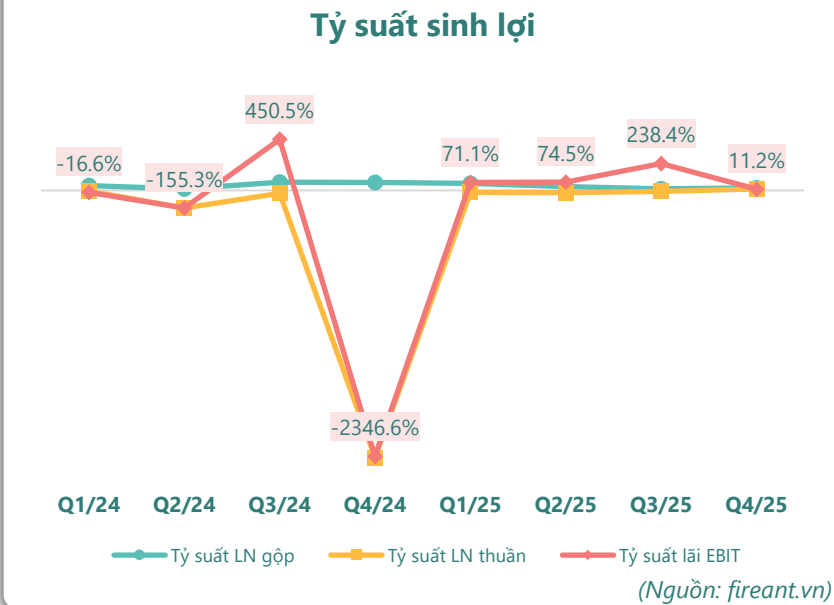
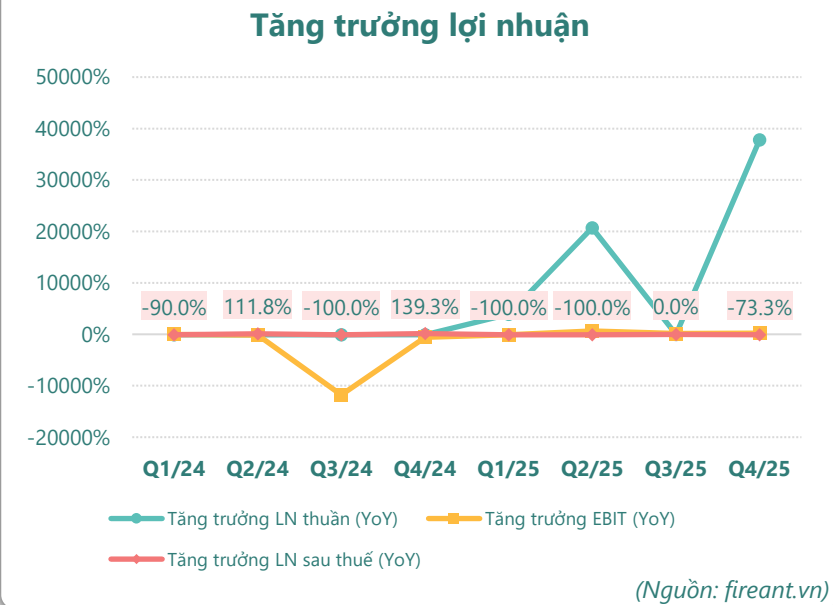
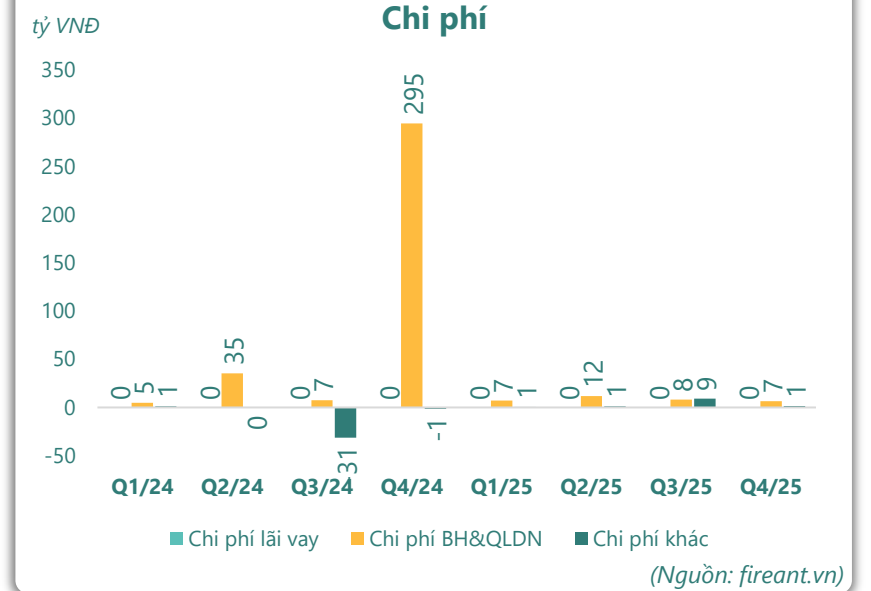
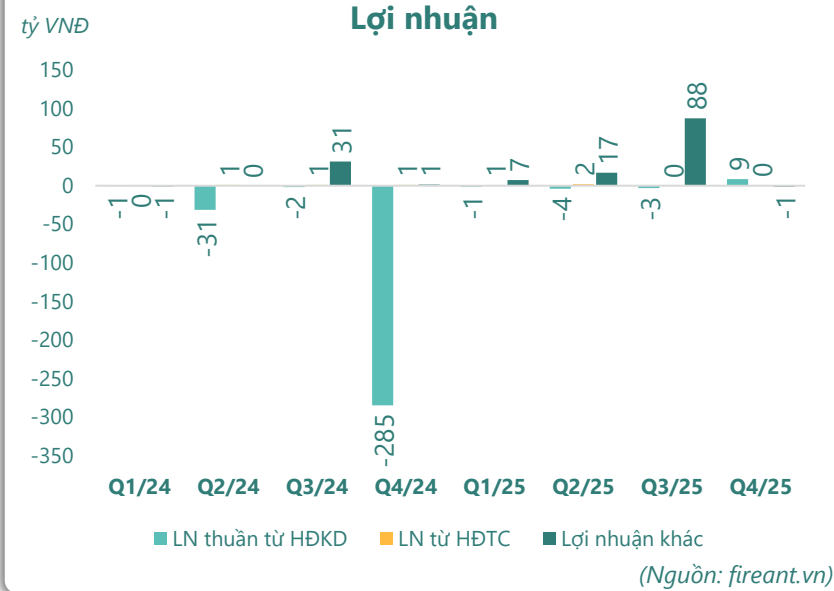
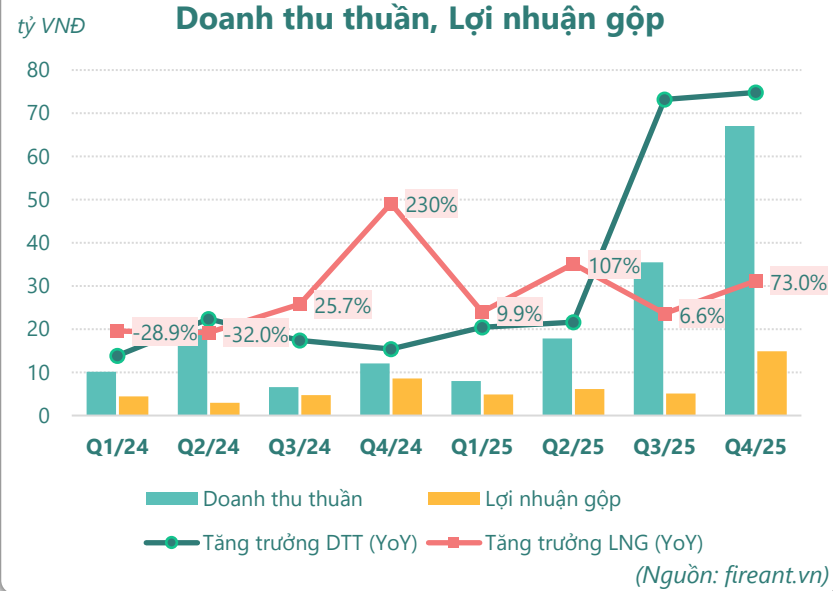
DT thuần 2025
128
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0 162%

LN thuần 2025
0.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 335 100%

LN sau thuế 2025
110
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 415 136%



KẾT QUẢ KINH DOANH



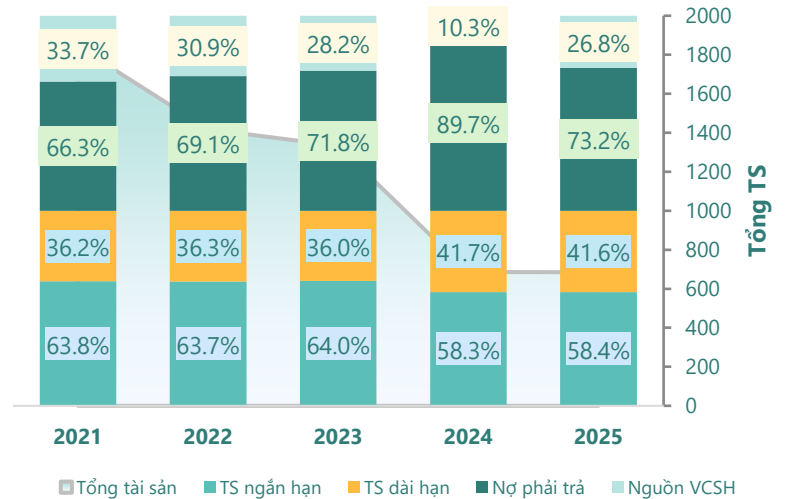


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

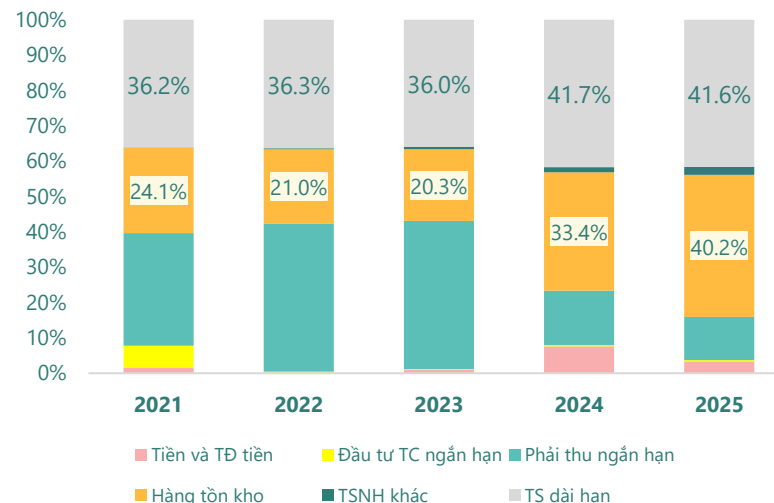
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

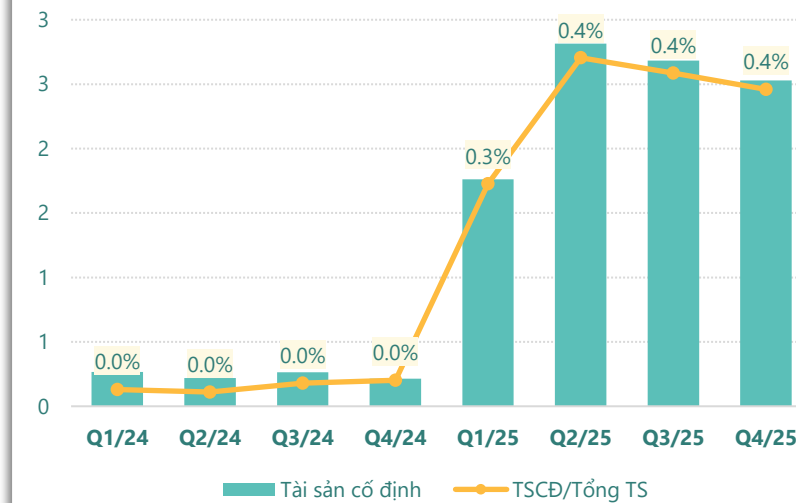
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

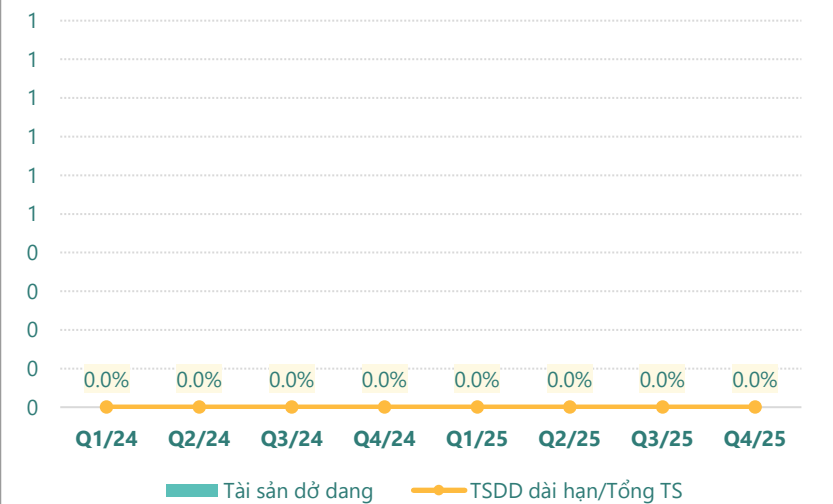
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

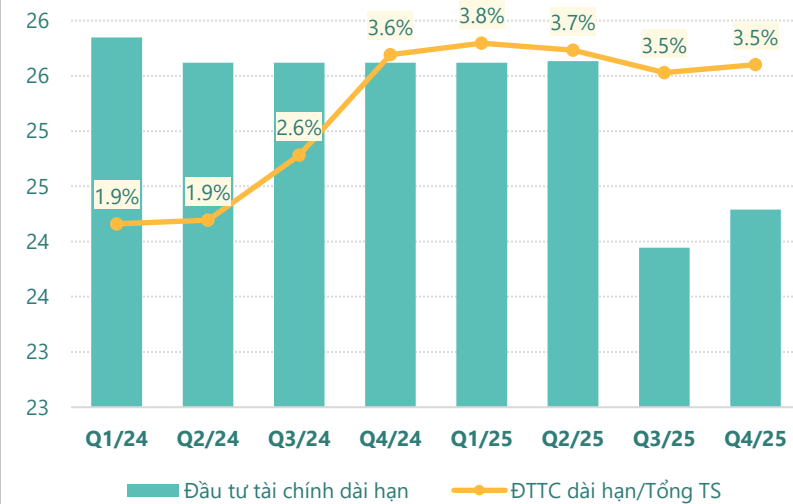
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

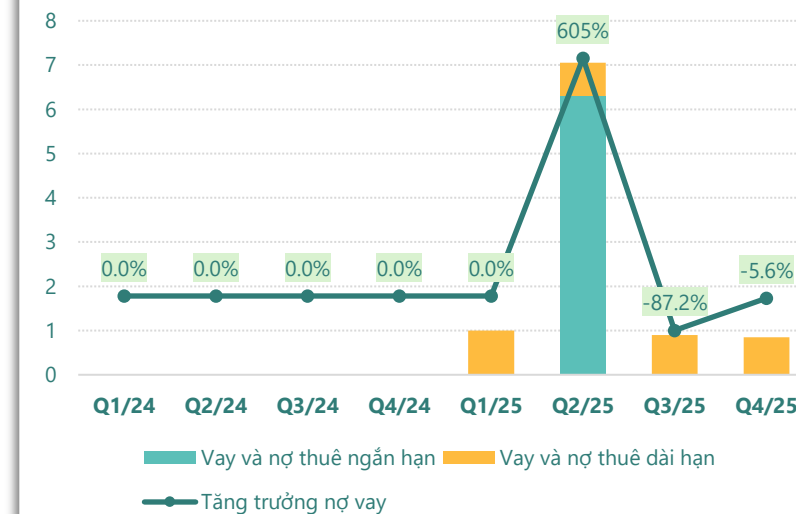
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

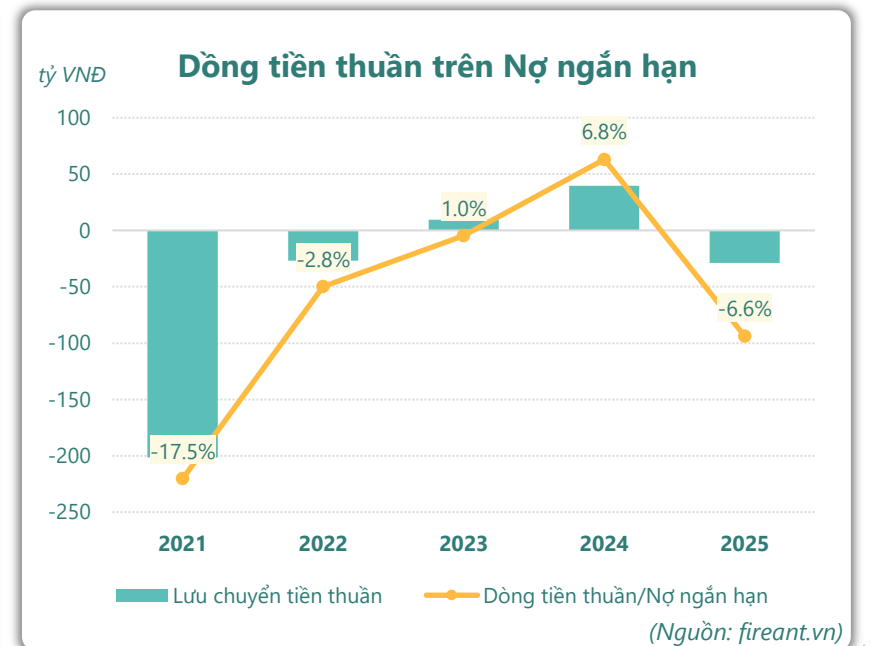
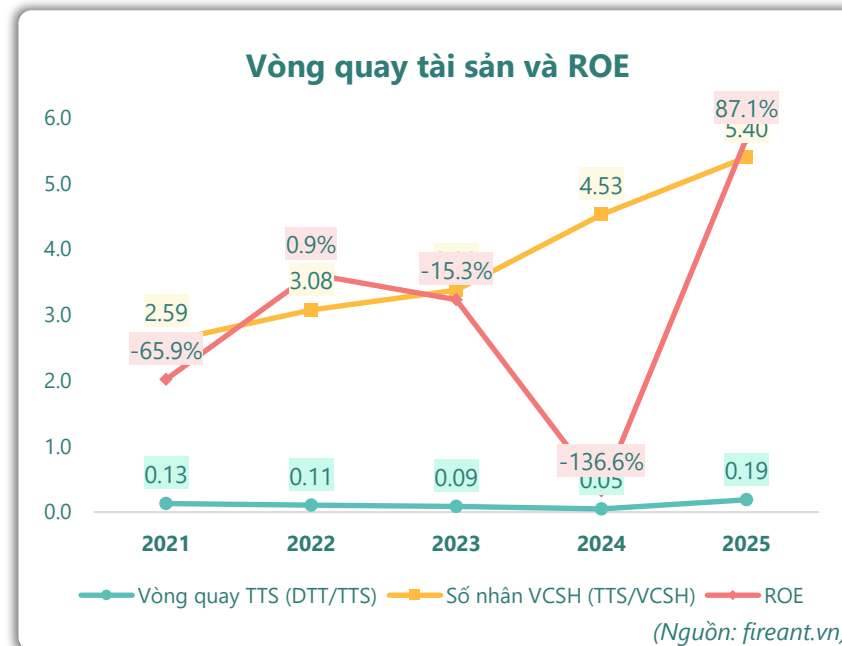
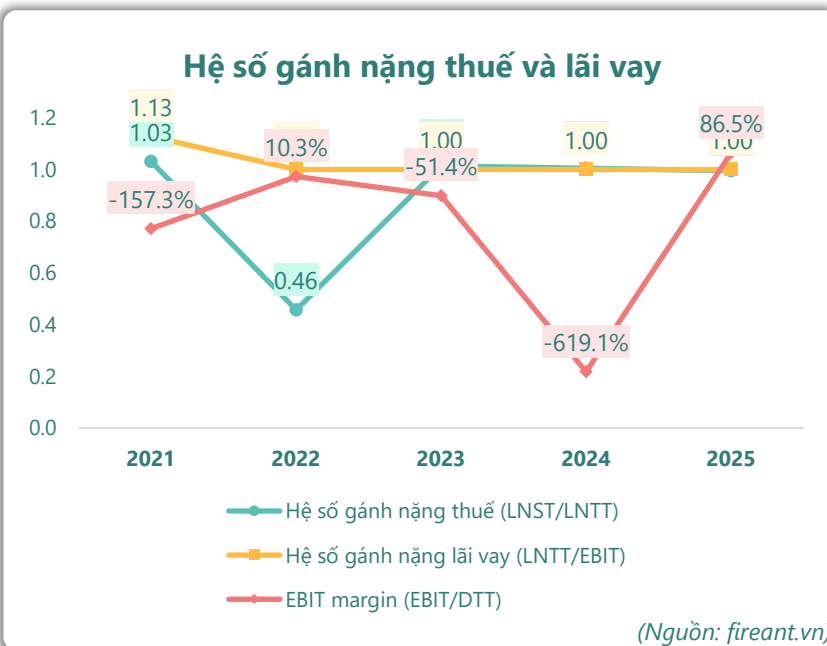
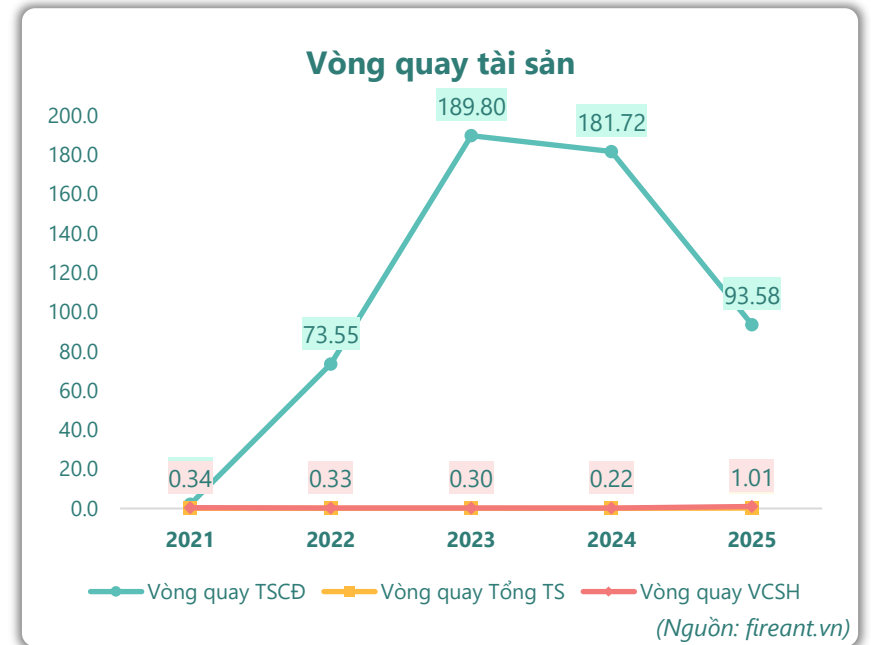
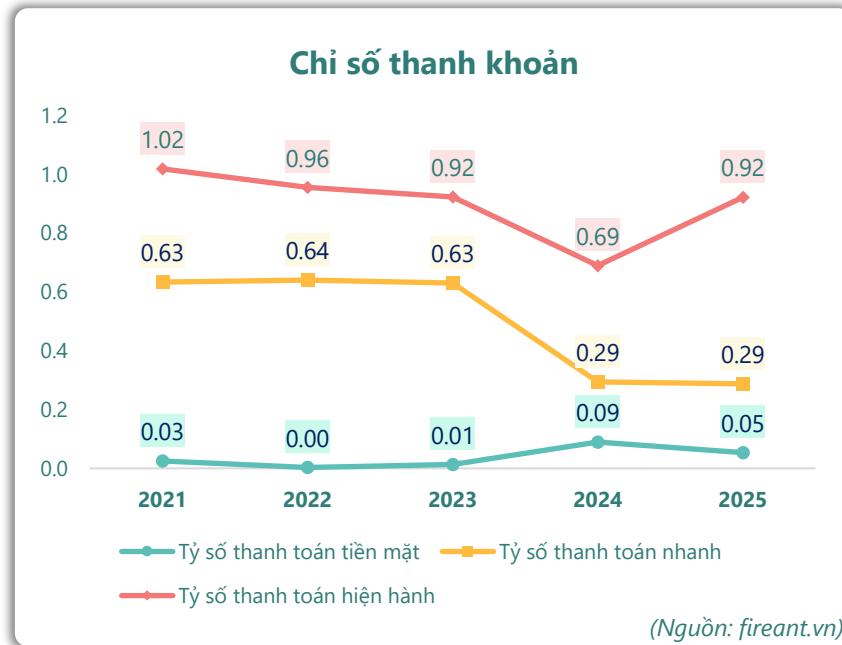
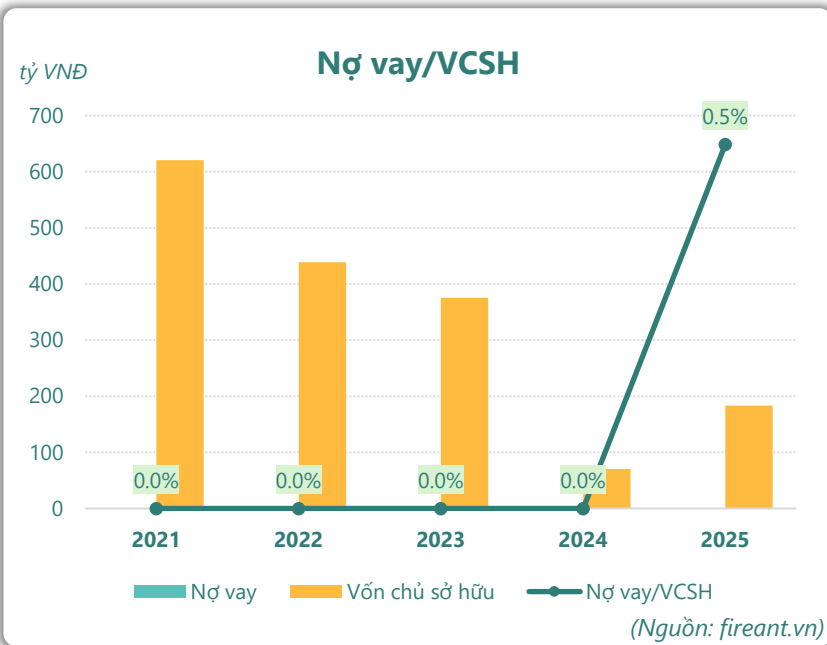
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	67.0	12.1	454%	128	49.0	162%
Giá vốn hàng bán	52.1	3.46	1406%	97.3	28.0	248%
Lợi nhuận gộp	14.9	8.62	73.0%	31.0	21.0	47.5%
Doanh thu HĐTC	2.36	0.83	184%	7.42	3.21	131%
Chi phí TC	1.89	-0.25	855%	4.30	0.95	351%
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.08	0	
LN trong công ty LKLD	-0.19	0.00		-0.18	0.01	-2287%
Chi phí bán hàng	2.65	0.69	285%	5.61	2.00	180%
Chi phí QLDN	3.85	294	-98.7%	27.8	356	-92.2%
LN thuần từ HĐKD	8.69	-285	103%	0.48	-335	100%
Lợi nhuận khác	-1.18	1.32	-189%	110	31.7	249%
LN trước thuế	7.51	-284	103%	111	-303	137%
Lợi nhuận sau thuế	7.27	-284	103%	110	-305	136%
LNST của CĐ cty mẹ	7.27	-284	103%	111	-305	136%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.7	-16.6	-0.69	-13.1	0	-3.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.59	0.67	-1.58	-18.2	0	21.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	1.00	8.55	0	-0.05
Tiền đầu kỳ	7.54	67.8	51.9	50.7	0	5.65
Lưu chuyển tiền thuần	60.3	-15.9	-1.26	-22.8	0	17.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	67.8	51.9	50.7	27.9	0	23.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	685	686	0.0%
Tài sản ngắn hạn	400	400	0.0%
Tiền và tương đương tiền	23.2	51.9	-55.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.96	2.40	-18.0%
Phải thu ngắn hạn	84.1	106	-20.6%
Hàng tồn kho	275	229	20.1%
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	10.4	47.6%
Tài sản dài hạn	285	286	-0.1%
Phải thu dài hạn	139	134	3.7%
Tài sản cố định	2.53	0.21	1083%
Bất động sản đầu tư	111	117	-5.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.3	25.6	-5.2%
Tài sản dài hạn khác	8.03	8.07	-0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	615	-18.4%
Nợ ngắn hạn	433	580	-25.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	141	144	-2.0%
Nợ dài hạn	68.6	35.3	94.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.85	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	70.5	160%
Vốn chủ sở hữu	183	70.5	160%
Vốn điều lệ	1,127	1,127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

